

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/DS-ST

Ngày 06-8-2021

V/v tranh chấp thừa kế tài sản và hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Mạnh Hùng

2. Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp thừa kế tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 265/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 292/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị A, nơi cư trú: Thôn VX, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng; có mặt;

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị A: Bà Nguyễn Thị B, nơi cư trú: Thôn VX, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền (theo hợp đồng ủy quyền ngày 16/11/2020); có mặt;

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị C, nơi cư trú: Thôn KH, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Văn D, nơi cư trú: Thôn KH, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

+ Anh Nguyễn Văn E, nơi cư trú: Thôn KH, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn F, nơi cư trú: Thôn KH, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị G, nơi cư trú: Thôn KH, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Ông Phan Công H, nơi cư trú: Thôn KH, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng (đã chết ngày 04/6/2021);

+ Chị Phan Thị I, nơi cư trú: Thôn KH, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng (đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Công H); vắng mặt;

Người đại diện của anh Nguyễn Văn E, anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn F, chị Nguyễn Thị G, chị Phan Thị I: Bà Nguyễn Thị A và bà Nguyễn Thị B, nơi cư trú: Thôn VX, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng (theo hợp đồng ủy quyền ngày 15/10/2020); có mặt;

+ Ông Nguyễn Văn J, nơi cư trú: Thôn VX, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

Người giám hộ của ông Nguyễn Văn J: Bà Nguyễn Thị B, nơi cư trú: Thôn VX, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng (theo Quyết định tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi số 05/2021/QĐST-DS ngày 21/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng); có mặt;

+ Chị Nguyễn Thị K, nơi cư trú: Thôn KH, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng, có mặt;

+ Ủy ban nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng; trụ sở: Số 15 Tổ dân phố 04, thị trấn An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, vắng mặt;

+ Ông Nguyễn Văn L và vợ là bà Lương Thị M, nơi cư trú: Thôn KH, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

+ Ông Phan Bình N và vợ là bà Đặng Thị Thúy Q, nơi cư trú: Thôn KH, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị A, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B, đồng thời là người đại diện của những người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn E, anh Nguyễn Văn F, chị Nguyễn Thị G, chị Phan Thị I trình bày:

Cụ Nguyễn Văn O và cụ Nguyễn Thị P chung sống với nhau từ năm nào bà không nắm được. Cụ P chết năm 1947, cụ O chết năm 1976. Hai cụ sinh được 04 người con:

1. Ông Nguyễn Hùng V (chết năm 2012), có vợ là bà Trần Thị T (chết năm 2000), có con là anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn E, anh Nguyễn Văn F, chị Nguyễn Thị G;

2. Bà Nguyễn Thị R (chết năm 1989), có chồng là ông Phan Công H (chết ngày 04/6/2021), con gái là chị Phan Thị I;

3. Bà Nguyễn Thị Quân (chết trẻ, không có chồng con);

4. Ông Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác là Nguyễn Văn Cu) chết trẻ, không có vợ con);

Sau khi cụ P chết, cụ O lấy vợ hai là cụ Nguyễn Thị Th. Hai cụ có 05 người con gồm:

1. Bà Nguyễn Thị S (chết trẻ, không có chồng con);

2. Ông Nguyễn Văn J, có vợ là bà Nguyễn Thị B. Ông J đã được Tòa án tuyên bố là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

3. Ông Nguyễn Văn W (chết năm 1993), có vợ là bà Đỗ Thị C, có con là anh Nguyễn Anh V1 (chết năm 2000, không có vợ con), chị Nguyễn Thị V2 (chết năm 2002, không có chồng con) và chị Nguyễn Thị K;

4. Bà Nguyễn Thị A;

5. Bà Nguyễn Thị U (chết năm 1985, không có chồng con).

Những người đã chết không có con nuôi, con riêng nào khác.

Cụ Nguyễn Văn O, cụ Nguyễn Thị P và cụ Nguyễn Thị Th có diện tích đất 715m² thuộc thửa đất số 426, tờ bản đồ số 24, có địa chỉ tại Xóm 3 Kiều Hạ, xã Quốc Tuấn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Khi chết, các cụ không để lại di chúc. Trước khi chết, cụ Th có nói với vợ chồng ông J rằng diện tích đất này sẽ chia đôi cho ông J và ông W mỗi người một nửa. Cụ chỉ nói miệng, không có giấy tờ, văn bản. Trên diện tích đất này có 03 gian nhà tre hai trái của các cụ. Cụ Th ở cùng vợ chồng ông W và bà Nguyễn Thị U tại đây. Sau khi cụ Th chết, vợ chồng bà C vẫn ở trên diện tích này. Năm 1995 sau khi ông W chết, bà C dỡ 03 gian nhà tre trên để chuyển ra nơi khác ở.

Năm 2011, bà Đỗ Thị C đã làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) và được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện An Dương cấp

GCNQSĐĐ với diện tích 660m² mang tên bà Đỗ Thị C. Ông Nguyễn Hùng V, ông Nguyễn Văn J và bà Nguyễn Thị A có ký vào đơn đề nghị ngày 15/3/2011 về việc cấp sổ đỏ “Quyền sử dụng đất ở” của bà Đỗ Thị C. Tuy nhiên, việc ông Nguyễn Hùng V, ông Nguyễn Văn J và bà Nguyễn Thị A ký vào đơn đề nghị trên mục đích bà Đỗ Thị C làm được bìa đỏ để trông coi diện tích đất ở các cụ để lại chứ không phải giao cho bà C được toàn quyền sử dụng, quản lý và chuyển nhượng đất của các cụ cho người khác. Mặt khác, tại đơn đề nghị này không có chữ ký của chồng và con của bà Nguyễn Thị R.

Năm 2017, bà C đã tự ý chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Văn L và vợ là bà Lương Thị M diện tích đất 108m², ông Phan Bình N và vợ là bà Đặng Thị Thúy Q diện tích đất 132m². Bà C tự nguyện để diện tích đất 69m² làm ngõ đi chung trong khi gia đình bà A chưa họp bàn và không được biết. Tổng diện tích bà C tự ý chuyển nhượng và làm ngõ đi chung là 309m², hiện nay chỉ còn 351m² (đã được Ủy ban nhân dân huyện AD cấp GCNQSĐĐ mang tên bà Đỗ Thị C). Bà A và bà B không biết hiện nay những người nhận chuyển nhượng đất từ bà C đang ở đâu. Do vậy, hai bà yêu cầu Tòa án không xác định họ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án và không đề nghị Tòa án xem xét, thẩm định và định giá đối với diện tích đất 309m² nêu trên.

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bà A yêu cầu bà C phải trả lại 351m² đất cho các hàng thừa kế của cụ Nguyễn Văn O, cụ Nguyễn Thị P và cụ Nguyễn Thị Th và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 911926 ngày 01/11/2011 do UBND huyện An Dương cấp cho bà Đỗ Thị C đối với diện tích 660m² có địa chỉ tại Thôn KH, xã QT, huyện AD, Hải Phòng.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, bà A và bà B thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn O, cụ Nguyễn Thị P và cụ Nguyễn Thị Th đối với diện tích đất 351m² và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH884118 của Ủy ban nhân dân huyện An Dương cấp ngày 30/3/2017 cho bà Đỗ Thị C đối với diện tích 351m² có địa chỉ tại Thôn KH, xã QT, huyện AD, Hải Phòng.

Tại buổi làm việc ngày 11 tháng 5 năm 2021 và tại phiên hòa giải ngày 08 tháng 7 năm 2021, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị A và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B yêu cầu như sau:

1. Chia thừa kế tài sản đối với diện tích đất 660m² thuộc thửa đất số 426, tờ bản đồ số 24, có địa chỉ tại: Thôn KH, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn O, cụ Nguyễn Thị P và cụ Nguyễn Thị Th, cụ thể:

+ Chia cho bà Đỗ Thị C và chị Nguyễn Thị K diện tích đất là 309m² (diện tích bà C đã tự ý chuyển nhượng và làm ngõ đi chung).

+ Chia cho những hàng thừa kế còn lại của cụ O, cụ P và cụ Th diện tích 351m^2 để làm nhà thờ của gia đình (đứng tên anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn E, anh Nguyễn Văn F, chị Nguyễn Thị G, chị Phan Thị I, ông Nguyễn Văn J, chị Nguyễn Thị K, bà Đỗ Thị C, bà Nguyễn Thị A);

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH884118 của Ủy ban nhân dân huyện An Dương cấp ngày 30/3/2017 cho bà Đỗ Thị C đối với diện tích 351m^2 có địa chỉ tại Thôn KH, xã QT, huyện AD, Hải Phòng.

Bị đơn là bà Đỗ Thị C và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị K thống nhất trình bày:

Thông nhất với bà A và bà B về quan hệ huyết thống của cụ O, cụ P và cụ Th và nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp là của ba cụ.

Sau khi chồng bà C là ông W chết, năm 2011 bà C được ông Nguyễn Hùng V, ông Nguyễn Văn J và bà Nguyễn Thị A đồng ý ký vào đơn đề nghị về việc cấp sổ đỏ “Quyền sử dụng đất ở” ngày 15/3/2011 để làm bìa đỏ. Trong đó, ông V xin lại 60m^2 đất để làm ngõ vào nên diện tích chỉ còn khoảng 660m^2 . Bà Đỗ Thị C đã được UBND huyện An Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) với diện tích 660m^2 thuộc thửa đất số 426, tờ bản đồ số 24, có địa chỉ tại: Thôn KH, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng. Sau đó, bà C đã chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Văn L và vợ là bà Lương Thị M diện tích đất 108m^2 , ông Phan Bình N và vợ là bà Đặng Thị Thúy Q diện tích đất 132m^2 . Bà C tự nguyện để diện tích đất 69m^2 làm ngõ đi chung. Bà C và chị K không biết hiện nay những người nhận chuyển nhượng đất từ bà đang ở đâu. Những người trên là dân làm ăn kinh doanh, họ chỉ mua chứ không ở trên diện tích đất đó. Do vậy, bà C và chị K yêu cầu Tòa án không xác định họ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì thực tế họ đã nhận chuyển nhượng và được UBND huyện An Dương cấp GCNQSDĐ và đề nghị Tòa án không xem xét, thẩm định và định giá đối với diện tích 309m^2 nêu trên. Hiện nay đất các cụ để lại chỉ còn 351m^2 và đứng tên bà Đỗ Thị C.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà A: Bà C và chị K đồng ý với yêu cầu của bà A về việc bà C được toàn quyền sử dụng và quyết định đối với diện tích 309m^2 do bà C đã chuyển nhượng và tự nguyện làm ngõ đi chung đã nêu ở trên và không tranh chấp gì. Bà C và chị K đồng ý để lại 151m^2 để làm nhà thờ gia đình, diện tích 200m^2 còn lại giao cho bà C và chị K để làm nhà ở, không đồng ý chia 351m^2 để làm nhà thờ như yêu cầu của bà A.

Về yêu cầu hủy GCNQSDĐ số CH884118 của UBND huyện An Dương cấp cho bà Đỗ Thị C đối với diện tích 351m^2 có địa chỉ tại Thôn KH, xã QT, huyện AD, Hải Phòng: Bà C và chị K đồng ý hủy GCNQSDĐ trên để tách bìa.

Người giám hộ của ông Nguyễn Văn J là bà Nguyễn Thị B thống nhất và

đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A.

Đối với Ủy ban nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhưng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án thể hiện quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện AD đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A; không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại các phiên tòa.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Nguyễn Văn L và vợ là bà Lương Thị M, ông Phan Bình N và vợ là bà Đặng Thị Thúy Q đã được tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên tòa, không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu khởi kiện: Chia cho những hàng thừa kế của cụ O, cụ P và cụ Th bao gồm anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn E, anh Nguyễn Văn F, chị Nguyễn Thị G, chị Phan Thị I, ông Nguyễn Văn J, bà Nguyễn Thị A diện tích 351m² để làm nhà thờ của gia đình (những người trên được đứng tên đối với diện tích 351m²). Phần diện tích đất 309m² bà C đã tự ý chuyển nhượng và sử dụng tiền chuyển nhượng sẽ thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà C và chị K. Bà C và chị K đồng ý với yêu cầu của bà A về việc bà C và chị K được toàn quyền sử dụng và quyết định đối với diện tích 309m² mà bà C đã chuyển nhượng và tự nguyện làm ngõ đi chung. Chị K từ chối nhận phần di sản thừa kế trong tổng diện tích 309m² bà C đã chuyển nhượng và yêu cầu Tòa án giao suất thừa kế chị được nhận trong diện tích 309m² cho bà Đỗ Thị C quản lý, sử dụng. Đối với diện tích 351m² còn lại, bà C và chị K đồng ý để lại diện tích đất 151m² làm nhà thờ, diện tích đất 200m² đất còn lại giao cho bà C quản lý, sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện:

Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích đất 660 m² tại Thôn KH, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng của nguyên đơn.

Về di sản thừa kế: Theo trả lời của UBND xã Quốc Tuấn thì UBND xã chỉ lưu trữ hồ sơ sổ sách địa chính từ năm 1995, còn trước năm 1995 thì xã không lưu trữ nên không rõ nguồn gốc đất là của ai. Tại sổ mục kê và bản đồ giải thửa năm 1995 thì thửa đất đều đứng tên ông W. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của các đương sự đều thừa nhận diện tích đất tại thửa số 426, tờ bản đồ số 24 tại Thôn KH, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng có nguồn gốc là của cụ O, cụ P và cụ Th để lại. Vì vậy, có căn cứ khẳng định thửa đất trên là di sản của cụ O, cụ P và cụ Th.

Theo trình bày của nguyên đơn di sản của các cụ để lại là 660m^2 đất. Diện tích đất của các cụ đã được UBND huyện An Dương cấp giấy CNQSDĐ cho bà Đỗ Thị C. Bà C đã chuyển nhượng 240m^2 cho người khác: Ông Nguyễn Văn L và vợ là bà Lương Thị M 108m^2 , ông Phan Bình N và vợ là bà Đặng Thị Thúy Q 132m^2 . Bà C tự nguyện để 69m^2 đất làm ngõ đi chung. Vậy tổng diện tích bà C tự ý chuyển nhượng đi và làm ngõ đi chung là 309m^2 . Hiện nay, diện tích đất các cụ để lại chỉ còn 351m^2 và mang tên bà Đỗ Thị C.

Về diện và hàng thừa kế:

Cụ O, cụ P, cụ Th chết không để lại di chúc nên căn cứ Điều 649, Điều 650 của Bộ luật Dân sự di sản thừa kế của các cụ O chia theo pháp luật.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị P gồm 03 người là cụ O và 02 con chung là ông Nguyễn Hùng V, bà Nguyễn Thị R.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ O gồm 06 người là cụ Th và 05 người con là ông Nguyễn Hùng V, bà Nguyễn Thị R, ông Nguyễn Văn J, ông Nguyễn Văn W, bà Nguyễn Thị A.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Th gồm 05 người là ông Nguyễn Hùng V, bà Nguyễn Thị R, ông Nguyễn Văn J, ông Nguyễn Văn W, bà Nguyễn Thị A.

Về công sức gìn giữ, tôn tạo: Cụ O chết năm 1976, cụ P chết năm 1947, cụ Th chết năm 1984 và con gái cụ ở cùng với vợ chồng bà C là Nguyễn Thị U chết năm 1985; ngoài ra bà C phải trả nợ cho Hợp tác xã 10 tấn thóc mà các cụ nợ trước kia. Sau khi các cụ mất bà C là người quản lý mảnh đất nên cần xác định công trồng nom, gìn giữ mảnh đất cho bà C là 20%/tổng giá trị (tương đương 132m^2 đất).

Cụ thể chia di sản thừa kế:

Tài sản chung của cụ P, cụ O, cụ Th là diện tích đất $660\text{m}^2 - 132\text{m}^2 = 528\text{m}^2$ vì vậy di sản của tài sản của mỗi cụ là 176m^2 . Cụ Nguyễn Thị P chết năm 1947, vì vậy di sản của cụ P sẽ được chia đều cho 03 suất thừa kế là cụ O, ông Nguyễn Hùng V, bà Nguyễn Thị R mỗi người được $58,66\text{m}^2$. Cụ O chết năm 1976, di sản của cụ O là $176\text{m}^2 + 58,66\text{m}^2 = 234,66\text{m}^2$ chia cho 06 định suất thừa kế là cụ Th, ông Nguyễn Hùng V, bà Nguyễn Thị R, ông Nguyễn Văn J, ông Nguyễn Văn W, bà Nguyễn Thị A, mỗi người được $39,11\text{m}^2$. Cụ Th chết năm 1984, di sản của cụ Th là $176\text{m}^2 + 39,11\text{m}^2 = 215,11\text{m}^2$ chia cho 05 suất thừa kế là ông Nguyễn Hùng V, bà Nguyễn Thị R, Nguyễn Văn J, ông Nguyễn Văn W, bà Nguyễn Thị A là $43,02\text{m}^2$.

Theo kết quả định giá tài sản ngày 22/02/2021, giá trị quyền sử dụng đất tại Kiều Hạ 2, xã Quốc Tuấn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng có giá 5.000.000 đồng/ m^2 .

Như vậy các thừa kế sẽ được chia cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Hùng V được hưởng $58,66\text{m}^2 + 39,11\text{m}^2 + 43,02\text{m}^2 = 140,78\text{m}^2$ (người thừa kế quyền và nghĩa vụ là ông Thìn, anh Công, anh Bằng, chị Hằng mỗi người được hưởng $35,195\text{m}^2$ đất);

Bà Nguyễn Thị R được hưởng $58,66\text{m}^2 + 39,11\text{m}^2 + 43,02\text{m}^2 = 140,78\text{m}^2$ (người thừa kế quyền và nghĩa vụ là chị Phan Thị I).

Ông Nguyễn Văn J được hưởng $39,11\text{m}^2 + 43,02\text{m}^2 = 82,13\text{m}^2$;

Bà Nguyễn Thị A được hưởng $39,11\text{m}^2 + 43,02\text{m}^2 = 82,13\text{m}^2$;

Ông Đỗ Văn Ké được hưởng $39,11\text{m}^2 + 43,02\text{m}^2 = 82,13\text{m}^2$;

Bà Đỗ Thị C được hưởng 132m^2 .

Tổng diện tích bà C được hưởng (cả phần của ông W) là $132\text{m}^2 + 82,13\text{m}^2 = 214,13\text{m}^2$.

Tại phiên hòa giải và phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: để cho bà C và chị K diện tích đất 309m^2 do bà C đã chuyển nhượng, diện tích đất 351m^2 còn lại chia cho các đồng thừa kế còn lại để làm nhà thờ. Xét thấy việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện và nếu chia theo cách thức này thì diện tích đất bà C được hưởng còn được nhiều hơn so với nếu chia theo pháp luật. Như vậy để đảm bảo cho quyền lợi của bị đơn và tôn trọng sự tự nguyện của nguyên đơn, cần chấp nhận theo yêu cầu chia này.

Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 426, tờ bản đồ số 24, diện tích 351m^2 tại Thôn KH, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng do UBND huyện An Dương đã cấp cho bà Đỗ Thị C:

Xét thấy, thửa đất số 426, tờ bản đồ số 24, diện tích 660m^2 tại Thôn KH, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng có nguồn gốc là tài sản chung của các cụ O, cụ P, cụ Th. Ủy ban nhân dân huyện An Dương căn cứ vào Đơn đề nghị về việc cấp sổ đỏ của bà C để cấp GCNQSDĐ cho bà C là không đúng. Bởi lẽ: Đơn đề nghị về việc cấp sổ đỏ không thể hiện có việc tặng cho diện tích đất các cụ để lại, mà chỉ cho phép bà C được đứng tên là người đại diện trong GCNQSDĐ. Hơn nữa, về hình thức, đơn này không có đầy đủ ý kiến và chữ ký của đồng thừa kế là chồng và con của bà Nguyễn Thị R. Do đó đơn đề nghị này không có giá trị. Việc cấp GCNQSDĐ cho bà C là không đúng quy định pháp luật. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà C đã tự ý chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Văn L và bà Lương Thị M diện tích 108m^2 ; chuyển nhượng cho ông Phan Bình N và bà Đặng Thị Thùy Dung diện tích $132,0\text{m}^2$. Vợ chồng ông L và vợ chồng ông N đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 diện tích đất này. Do nguyên đơn đồng ý chia cho mẹ con bà C diện tích đất 309m^2 bà C đã chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng đất của bà C

với vợ chồng ông N, ông L là tự nguyện và ngay tình. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 133 của Bộ luật Dân sự thì giao dịch giữa bà C với ông L, bà M và ông N, bà Q không bị vô hiệu. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã cấp cho vợ chồng ông L và vợ chồng ông N nằm trong diện tích đất nguyên đơn đồng ý để cho bị đơn được hưởng nên không có căn cứ để hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông N và vợ chồng ông L. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 351m² đã cấp cho bà Đỗ Thị C.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chia di sản thừa kế là diện tích đất 660 m² tại Thôn KH, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng theo hướng: giao cho bà Đỗ Thị C, chị Nguyễn Thị K diện tích đất 309m², diện tích 351m² còn lại làm nhà thờ cấp mang tên các đồng sở hữu Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn F, Nguyễn Thị G, Phan Thị I, Nguyễn Văn J, Nguyễn Thị K, Đỗ Thị C, Nguyễn Thị A.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 884118, vào sổ cấp số CH00019 ngày 30/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện AD đã cấp cho bà Đỗ Thị C đối với diện tích là 351m².

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, kê khai sự thay đổi, biến động với diện tích đất được chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chia thừa kế tài sản và giữ nguyên yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét sự thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về thừa kế tài sản và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại quy định tại khoản 5 Điều 26; Điều 34; Điều 37 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ủy ban nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng; Ông Nguyễn Văn L và vợ là bà Lương Thị M; ông Phan Bình N và vợ là bà Đặng Thị Thúy Q đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Theo các tài liệu thu thập được thể hiện nguồn diện tích đất 660m² đang tranh chấp của cụ Nguyễn Văn O, cụ Nguyễn Thị P. Sau khi cụ P chết, cụ O sinh sống với cụ Nguyễn Thị Th. Do vậy, tài sản thừa kế được xác định như sau: Tài sản chung của cụ O và cụ P là diện tích đất 660m², mỗi cụ có 330m² đất. Cụ P và cụ O có 04 người con, trong đó bà Quân và ông Đỗ (Cu) chết không có chồng, vợ và con nên hàng thừa kế của cụ P và cụ O chỉ còn ông Nguyễn Hùng V và bà Nguyễn Thị R.

[4] Cụ P chết năm 1947 nên tài sản thừa kế của cụ P là diện tích đất 330m² được chia cho cụ O, bà R và ông V, mỗi người được 110m².

[5] Tổng diện tích đất của cụ O là $110\text{m}^2 + 330\text{m}^2 = 440\text{m}^2$.

[6] Sau khi cụ P chết, cụ O chung sống với cụ Th nên diện tích đất 440m² được xác định là tài sản chung của cụ O và cụ Th theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959.

[7] Cụ O chết năm 1976, tài sản thừa kế của cụ O là 220m² được chia cho 06 người là cụ Th, ông V, bà R, ông J, ông W, bà A, mỗi người được 36,67m². Như vậy, cụ Th có $220\text{m}^2 + 36,67\text{m}^2 = 256,67\text{m}^2$.

[8] Cụ Th chết năm 1984 nên tài sản thừa kế 256,7m² đất của cụ O chia cho ông V, bà R, ông J, ông W và bà A, mỗi người được $256,7\text{m}^2 : 5 = 51,34\text{m}^2$. Trong đó ông V và bà R được thừa hưởng tài sản thừa kế là $110\text{m}^2 + 36,67\text{m}^2 + 51,34\text{m}^2 = 198,01\text{m}^2$ (làm tròn số là 198m²). Ông J, ông W, bà A được thừa hưởng tài sản thừa kế là $36,67\text{m}^2 + 51,34\text{m}^2 = 88,01\text{m}^2$ (làm tròn số là 88m²).

[9] Ông V (chết năm 2012), có vợ là bà Trần Thị T (chết năm 2000) nên hàng thừa kế của ông V là anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn E, anh Nguyễn Văn F, chị Nguyễn Thị G được nhận tài sản thừa kế thế vị. Bà Nguyễn Thị R (chết năm 1989), có chồng là ông Phan Công H (chết 04/6/2021) nên hàng thừa kế của bà R là chị Phan Thị I được nhận tài sản thừa kế thế vị. Ông Nguyễn Văn J là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi nên bà Nguyễn Thị B là người giám hộ của ông J là người quản lý tài sản thừa kế cho ông J. Ông Nguyễn Văn W (chết năm 1993), có vợ là bà Đỗ Thị C, có con là anh Nguyễn Anh Vinh (chết năm 2000, không có vợ con), Nguyễn Thị Vân (chết năm 2002, không có chồng con), con gái là chị Nguyễn Thị K nên hàng thừa kế của ông W là bà Đỗ Thị C và chị Nguyễn Thị K được nhận tài sản thừa kế thế vị.

[10] Bà C cho rằng ông Nguyễn Hùng V, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn J đã ký vào đơn đề nghị ngày 15/3/2011 về việc cấp sổ đỏ “Quyền sử dụng đất ở” của bà Đỗ Thị C đối với diện tích đất của cụ Th nên bà C có toàn quyền sử dụng diện tích đất đang tranh chấp và chỉ đồng ý để lại 151m² đất làm nhà thờ. Tuy nhiên như phân tích ở trên, tài sản chung của cụ O và cụ Th là diện tích đất 440m², nên phần tài sản riêng của cụ Th chỉ có 220m² đất và cụ Th không có

quyền định đoạt diện tích 220m² là phần tài sản riêng của cụ O. Ông Nguyễn Hùng V, bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn J và bà Đỗ Thị C cùng ký vào đơn đề nghị ngày 15/3/2011 xác nhận cụ Nguyễn Thị Th có diện tích 715m² đất ở và năm 1985, cụ Th chết giao lại cho vợ chồng bà C, ông W toàn bộ nhà cửa và diện tích 715m² đất ở là vi phạm quyền định đoạt tài sản thừa kế của cụ O và cụ P cũng như hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị R là ông Phan Công H và chị Phan Thị I. Mặt khác, văn bản này được lập sau thời điểm ông W chết, trước đó không có ý kiến của ông W về nội dung cụ Th cho vợ chồng ông W toàn bộ diện tích đất 715m², các đương sự cũng không có tài liệu nào chứng minh cụ Th cho vợ chồng ông W toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp nhưng ngày 06/9/2011, bà C và chị K lại lập văn bản khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản thừa kế có nội dung “di sản thừa kế mà ông Nguyễn Văn W để lại là quyền sử dụng đất thổ cư, thửa số 426 tờ bản đồ 24 diện tích 660m², địa chỉ thửa đất tại thôn Kiều Hạ 2, Quốc Tuấn, An Dương, Hải Phòng“. Ngoài ra còn có nội dung “Bố mẹ ông Nguyễn Văn W đã chết từ lâu, ông Nguyễn Văn W chỉ có một vợ là bà Đỗ Thị C và một con là Nguyễn Thị K...chỉ có chúng tôi là hàng thừa kế thứ nhất có tên nêu trên được hưởng di sản thừa kế của chồng và cha chúng tôi để lại.“ Do vậy, như phân tích ở trên thì toàn bộ nội dung của văn bản ngày 15/3/2011 bị vô hiệu. Khi Ủy ban nhân dân huyện AD làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất cho bà C đã không xem xét về nguồn gốc đất, không xem xét các hàng thừa kế của cụ O, cụ P và cụ Th, và hàng thừa kế của ông W còn có chị Nguyễn Thị K. Việc UBND huyện An Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đỗ Thị C, số vào sổ CH 00234 ngày 01/11/2011 tại thửa đất số 426 tờ bản đồ 24, địa chỉ: Thôn KH, xã QT, huyện AD, Hải Phòng, hình thức sử dụng riêng 660m², nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, là không đúng nguồn gốc sử dụng đất và thực hiện không đúng Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003, Điều 135 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính Phủ về thi hành Luật Đất đai.

[11] Quá trình sử dụng đất, bà C đã chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Văn L và vợ là bà Lương Thị M diện tích đất 108m², ông Phan Bình N và vợ là bà Đặng Thị Thúy Q diện tích đất 132m². Bà C tự nguyện để diện tích đất 69m² làm ngõ đi chung. Tổng diện tích bà C tự ý chuyển nhượng và làm ngõ đi chung là 309m², hiện nay chỉ còn 351m² đã được Ủy ban nhân dân huyện AD cấp GCNQSDĐ số CH884118 mang tên bà Đỗ Thị C ngày 30/3/2017. Tuy nhiên, bà A và các hàng thừa kế còn lại của cụ O, cụ P và cụ Th đều thống nhất chia cho bà C và chị K toàn bộ diện tích đất bà C đã chuyển nhượng, không tranh chấp diện tích ngõ đi chung, không tranh chấp về số tiền bà C chuyển nhượng diện tích đất nêu trên. Bà C và chị K cũng đồng ý với ý kiến này của nguyên đơn. Như vậy, lẽ ra bà C và chị K chỉ được nhận tài sản thừa kế thế vị là 88m² đất nhưng các đương sự đã tự nguyện chia cho bà C và chị K phần đất bà C đã

chuyển nhượng và làm ngõ đi chung là 309m² là đã xem xét đến công sức bảo quản tài sản của bà C. Tại phiên tòa, chị K từ chối nhận phần di sản thừa kế trong tổng diện tích 309m² bà C đã chuyển nhượng và yêu cầu Tòa án giao suất thừa kế chị được nhận trong diện tích 309m² cho bà Đỗ Thị C quản lý, sử dụng nên bà C không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị K đối với diện tích 309m² đã chuyển nhượng. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao diện tích đất 351m² để làm nhà thờ gia đình và đứng tên anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn E, anh Nguyễn Văn F, chị Nguyễn Thị G, chị Phan Thị I, ông Nguyễn Văn J, bà Nguyễn Thị A. Và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH884118 ngày 30/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện AD mang tên bà Đỗ Thị C đối với thửa đất số 426 tờ bản đồ 24, diện tích 351m², địa chỉ thửa đất: Thôn KH, xã QT, huyện AD, Hải Phòng.

[12] Các đương sự không tranh chấp đối với diện tích đất mà bà C đã chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Văn L và vợ là bà Lương Thị M 108m², ông Phan Bình N và vợ là bà Đặng Thị Thúy Q 132m² và bà C đã nhận đầy đủ tiền chuyển nhượng từ họ nên Ông Nguyễn Văn L và vợ là bà Lương Thị M, ông Phan Bình N và vợ là bà Đặng Thị Thúy Q được quyền sử dụng và quản lý toàn bộ diện tích đất đã nhận chuyển nhượng từ bà Đỗ Thị C.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn J (do bà Nguyễn Thị B là người giám hộ), bà Đỗ Thị C là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn E, anh Nguyễn Văn F, chị Nguyễn Thị G, chị Phan Thị I phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; Điều 34; Điều 37; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; điểm c khoản 2 Điều 618; Điều 688, Điều 133 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 12, khoản 7 Điều 27 của Nghị định số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A:

1.1. Anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn E, anh Nguyễn Văn F, chị Nguyễn Thị G, chị Phan Thị I, ông Nguyễn Văn J (do bà Nguyễn Thị B là người

giám hộ), bà Nguyễn Thị A được nhận tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn O, Nguyễn Thị P và cụ Nguyễn Thị Th là diện tích đất 351m² tại thửa đất số 426 tờ bản đồ 24, địa chỉ thửa đất: Thôn KH, xã QT, huyện AD, Hải Phòng để làm nhà thờ của gia đình cụ Nguyễn Văn O, cụ Nguyễn Thị P, cụ Nguyễn Thị Th hiện nay đang do bà Đỗ Thị C quản lý, sử dụng và đã được Ủy ban nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH884118 ngày 30/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện AD mang tên bà Đỗ Thị C đối với thửa đất số 426 tờ bản đồ 24, diện tích 351m², địa chỉ thửa đất: Thôn KH, xã QT, huyện AD, Hải Phòng (có các mốc giới 1-2-3-4-5-1 theo sơ đồ kèm theo bản án).

Bà Đỗ Thị C có trách nhiệm giao lại diện tích đất 351m² tại thửa đất số 426 tờ bản đồ 24, địa chỉ thửa đất: Thôn KH, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng (có các mốc giới 1-2-3-4-5-1 theo sơ đồ kèm theo bản án) cho anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn E, anh Nguyễn Văn F, chị Nguyễn Thị G, chị Phan Thị I, ông Nguyễn Văn J (do bà Nguyễn Thị B là người giám hộ), bà Nguyễn Thị A để làm nhà thờ của gia đình cụ Nguyễn Văn O, cụ Nguyễn Thị P, cụ Nguyễn Thị Th.

Diện tích đất 351m² tại thửa đất số 426 tờ bản đồ 24, địa chỉ thửa đất: Thôn KH, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng (có các mốc giới 1-2-3-4-5-1 theo sơ đồ kèm theo bản án) được đứng tên anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn E, anh Nguyễn Văn F, chị Nguyễn Thị G, chị Phan Thị I, ông Nguyễn Văn J (do bà Nguyễn Thị B là người giám hộ), bà Nguyễn Thị A.

1.2. Ông Nguyễn Văn L và vợ là bà Lương Thị M được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 108m² (nhận chuyển nhượng từ bà Đỗ Thị C) tại thửa đất số 426A tờ bản đồ 24, địa chỉ thửa đất: Thôn KH, xã QT, huyện AD, Hải Phòng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 884119, vào sổ cấp số CH00020 ngày 30/3/2017 do Ủy ban nhân dân huyện AD, Hải Phòng cấp cho Ông Nguyễn Văn L và vợ là bà Lương Thị M). Ông Phan Bình N và vợ là bà Đặng Thị Thúy Q được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 132m² (nhận chuyển nhượng từ bà Đỗ Thị C) tại thửa đất số 426B tờ bản đồ 24, địa chỉ thửa đất: Thôn KH, xã QT, huyện AD, Hải Phòng (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 884120, vào sổ cấp số CH00021 ngày 30/3/2021 do Ủy ban nhân dân huyện AD, Hải Phòng cấp cho ông Phan Bình N và vợ là bà Đặng Thị Thúy Q). Ông Phan Bình N và vợ là bà Đặng Thị Thúy Q, Ông Nguyễn Văn L và vợ là bà Lương Thị M được sử dụng diện tích đất 69m² tại thửa đất số 426, tờ bản đồ số 24, có địa chỉ tại: Thôn KH, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng (diện tích bà C tự nguyện để làm ngõ đi chung).

1.3. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 884118, vào sổ cấp số CH00019 ngày 30/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng mang tên bà Đỗ Thị C đối với thửa đất số 426, tờ bản đồ 24, diện tích 351m², địa chỉ thửa đất: Thôn KH, xã QT, huyện AD, thành phố Hải Phòng.

1.4. Anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn E, anh Nguyễn Văn F, chị Nguyễn Thị G, chị Phan Thị I, ông Nguyễn Văn J (do bà Nguyễn Thị B là người giám hộ), bà Nguyễn Thị A có nghĩa vụ liên hệ với Ủy ban nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng để đăng ký lại quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

1.5. Ủy ban nhân dân huyện AD, thành phố Hải Phòng có trách nhiệm đăng ký lại quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn E, anh Nguyễn Văn F, chị Nguyễn Thị G, chị Phan Thị I, ông Nguyễn Văn J (do bà Nguyễn Thị B là người giám hộ), bà Nguyễn Thị A khi họ có yêu cầu.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị A, ông Nguyễn Văn J (do bà Nguyễn Thị B là người giám hộ), bà Đỗ Thị C.

Chị Phan Thị I phải chịu 16.162.500đ (mười sáu triệu một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn D, anh Nguyễn Văn E, anh Nguyễn Văn F, chị Nguyễn Thị G phải chịu 16.162.500đ (mười sáu triệu một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Mỗi người phải chịu 4.040.625đ (bốn triệu không trăm bốn mươi nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Diệp

